

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn
và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hồng Vân;
- Ông Nguyễn Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trang Thị Tài L**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: **Tổ A, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Tổ A, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trang Thị Tài L trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn H** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương T**, sinh ngày 28-3-2020, hiện chị đang nuôi dưỡng.

Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh **H** không phụ giúp kinh tế gia đình, sử dụng và nghiện ma túy, chị khuyên nhủ nhiều lần

nhưng anh **H** vẫn không thay đổi từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh **H** đã bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chị về nhà mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị **T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2024 anh thống nhất thời gian chung sống, có đăng ký kết, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống, do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Nay chị **T1** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị **T1** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc nên anh **H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trang Thị Tài L** đối với anh **Nguyễn Văn H**; Con chung, giao cho chị **T1** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Ngọc Phương T**, sinh ngày 28-3-2020, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T1** không yêu cầu; Tài sản, chị **T1** và anh **H** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung, chị **T1** và anh **H** khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **T1** phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2019, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh **H** sử dụng ma túy không chăm lo phụ giúp kinh tế gia đình, chị **L** đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **H** vẫn không thay đổi và anh **H** đang chấp hành cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy theo quyết định của Tòa án. Tại biên bản biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2024 anh **H** đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị **L** yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Ngọc Phương T**, sinh ngày 28-3-2020, anh **H** đồng ý. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu **T** được chị **L** nuôi dưỡng chăm sóc tốt nên Hội đồng xét xử cần giao con cho chị **L** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con, chị **L** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trang Thị Tài L** với anh **Nguyễn Văn H**. Chị **L** được ly hôn với anh **H**.

2. Về con chung: Giao cho chị **L** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Ngọc Phương T**, sinh ngày 28-3-2020. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **L** không yêu cầu.

Anh **H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Trang Thị Tài L** và anh **Nguyễn Văn H** khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012263 ngày 12-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị **L** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Tiên Thuận (Số 14/2020);
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Nguyễn Thị Vui